

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2020
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Tư;
2. Bà Hoàng Thị Hồng.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mai Hương –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Trong ngày 08/6/2020, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2020/TLST – HNGĐ ngày 13/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/ QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Phương C, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 18, đường T, Tổ A, xã S thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Đào Thị L, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số nhà A, đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 13, K1, Trại giam số VI, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lương Phương C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị L kết hôn ngày 03/10/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và chăm sóc con. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008. Anh và con gái Lương Phương L (khi đó mới hơn 1 tuổi) ở cùng bố mẹ, còn chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở ngõ 269 đường N, phường H. Thời gian đầu, anh có gặp chị L để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Gia đình hai bên có hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đến năm 2012, chị L bị bắt trong vụ án mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt tù chung thân nên hiện

nay chị L vẫn đang chấp hành án phạt tù giam tại Đội 13 K1 thuộc Trại giam số VI, Tổng cục VIII, Bộ Công an, có địa chỉ tại xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chị L đi chấp hành án, anh không liên lạc, không đến thăm chị L lần nào. Anh xác định vợ chồng không còn khả năng chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung là Lương Phương L, sinh ngày 16/10/2006. Từ nhỏ cháu đã ở cùng anh và bố mẹ đẻ anh. Do chị L đang đi chấp hành án phạt tù chung thân nên khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị Loan phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là chị Đào Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng tháng 6/2006, chị kết hôn với anh Lương Phương C, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng tại phường H, thành phố B được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì không hòa hợp. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2008. Nay anh Lương Phương C có đơn xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh C có con chung là Lương Phương L, sinh 16/10/2006. Vì điều kiện chị đang phải chấp hành án tại trại giam số 6 nên chị đồng ý để anh C tiếp tục nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh C không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020 cháu Lương Phương L là con chung của anh C, chị L trình bày: Hiện nay cháu đang sống cùng với bố tại địa chỉ số nhà 18, đường T, tổ A, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Từ khi sinh ra đến nay cháu đều sống với bố, cháu chưa từng được gặp mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố vì từ trước đến nay bố chăm sóc cháu rất tốt, cháu đang ở ổn định cùng với bố. Lời khai của cháu là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2020, chính quyền địa phương nơi anh C sinh sống cung cấp: Anh Lương Phương C có hộ khẩu thường trú tại A, xã S, thành phố B và hiện đang sống cùng con gái tại địa phương. Anh C và chị L có một con chung là Lương Phương L. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chỉ một thời gian ngắn sau khi kết hôn chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Từ năm 2007 đến nay chỉ có anh C và con gái sống tại địa phương, anh C chị L đã ly thân từ thời gian đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Phương C đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; chị L xin vắng mặt tại phiên hòa giải do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Anh C giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu về nuôi con chung.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Anh Lương Phương C được ly hôn chị Đào Thị L

+ Về nuôi con chung: Giao cho anh Lương Phương C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lương Phương L sinh 16/10/2006. Sau khi ly hôn, chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

+Anh Lương Phương C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là chị Đào Thị Loan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh Lương Phương C và chị Đào Thị L kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, anh C, chị L đều trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2008, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế và chăm sóc con, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2008 đến nay. Xét thấy, anh C, chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C đề nghị ly hôn, chị L đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh C, chị L, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh C và chị L có một con chung hiện đang ở cùng anh C. Chị L đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi con. Chị L đồng ý để anh C tiếp tục nuôi cháu L khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Do vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh C, giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lương Phương C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Anh Lương Phương C được ly hôn chị Đào Thị L

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lương Phương C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lương Phương L sinh 16/10/2006. Sau khi ly hôn, chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh Lương Phương C phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2018/0001192 ngày 13/4/2020. Xác nhận anh C đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;.
- VKSND Tp B;.
- CCTHADS Tp B;
- UBND phường H, tp B;.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Triệu Thị Luyện

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- VKSND TP Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

